

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2562/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Năm Căn,
huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 01/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng Chương trình phát triển đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5702/TTr-SXD ngày 22/11/2024 và Công văn số 5959/SXD-PTĐT ngày 10/12/2024; tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3747/VP-XD ngày 19/12/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu

1.1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển đô thị Năm Căn phải đặt trong mối quan hệ với sự phát triển chung của tỉnh, của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển đô thị Năm Căn với vai trò là đô thị động lực, dẫn dắt, thúc đẩy phát triển đô thị, kinh tế - xã hội của tỉnh và của khu vực; là đô thị xanh, thông minh, phát triển bền vững và hiện đại, mang bản sắc đặc thù sông nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng, mục tiêu Chương trình số 27-CT/TU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống đô thị tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các chỉ tiêu phát triển đô thị phù hợp với định hướng của Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo an sinh xã hội gắn với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Xác định các khu vực phát triển đô thị, các chương trình, dự án để tập trung đầu tư hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị còn yếu, còn thiếu, góp phần nâng cao chất lượng đô thị; phân đầu giai đoạn 2026 - 2030, đô thị Năm Căn đủ điều kiện nâng loại đô thị loại III và thành lập thị xã Năm Căn.

- Xác định các nhiệm vụ, đề xuất các giải pháp thực hiện cho từng giai đoạn; kế hoạch phân bổ nguồn lực đầu tư, lộ trình đầu tư phát triển đô thị cụ thể phù hợp với chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiến độ và tính khả thi.

2. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị

2.1. Các chỉ tiêu phát triển đô thị

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư 06/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị, một số chỉ tiêu phát triển đô thị chính gồm:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Định hướng	
		Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	≥700	>1.400
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành (người/km ²)	>5.000	>6.000
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị (%)	>1,5	>2,0
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ² sàn/người)	≥26,8	≥35,8
5	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	>24	>25
6	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	>23	>24
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	Có dự án	>15

2.2. Đánh giá các tiêu chuẩn đô thị loại III

a) Nhóm tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu và trên điểm tối thiểu nhưng chưa đạt tối đa hướng tới tiêu chuẩn đô thị loại III:

Gồm 14/63 tiêu chuẩn, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị, chi tiết đề xuất lộ trình nâng cao chất lượng, khắc phục các tiêu chuẩn như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại NQ 26/2022/UBTVQH15	Định hướng	
		Mức tối đa - tối thiểu	Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Vị trí, chức năng, vai trò của đô thị (điểm)	5,0 - 3,75	3,75	5,0
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước (lần)	≥ 1,4 - 1,05	>1,05	1,40
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (điểm)	2,0 - 1,50	2,00	2,00
4	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (%)	≥ 1,75 - 1,3	1,45	1,50
5	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%)	≥ 1,6 - 1,2	1,55	1,60
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị (%)	≥ 80 - 75	80	85
7	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị (công trình)	≥ 7 - 4	5	7
8	Công trình đầu mối giao thông (cấp)	Vùng liên tỉnh - Vùng tỉnh	Vùng tỉnh	Vùng liên tỉnh
9	Mật độ đường giao thông đô thị	≥ 8 - 6	7	8
10	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	≥10 - 6	8	10

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại NQ 26/2022/UBTVQH15	Định hướng	
		Mức tối đa - tối thiểu	Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
11	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người (<i>kWh/người/năm</i>)	≥ 1.500 - 750	1.000	1.200
12	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	100 - 95	98	100
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh (%)	≥ 70 - 30	60	70
14	Công trình kiến trúc tiêu biểu (<i>điểm</i>)	2,0 - 1,50	1,50	1,50

b) Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu hướng tới tiêu chuẩn đô thị loại III:

Gồm 16/63 tiêu chuẩn, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị, chi tiết đề xuất lộ trình nâng cao chất lượng, khắc phục các tiêu chuẩn như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại NQ 26/2022/UBTVQH15	Định hướng	
		Mức tối đa - tối thiểu	Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Dân số toàn đô thị (<i>1.000 người</i>)	≥ 200 - 70	22.108	73.000
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị (<i>1.000 người</i>)	≥ 100 - 35	22.108	35.000
3	Mật độ dân số toàn đô thị (<i>người/km²</i>)	≥ 1.800 - 700	≥700	>1.400
4	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn (<i>người/km²</i>)	≥ 8.000 - 6.000	>5.000	≥6.000
5	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (<i>người/km²</i>)	≥ 32 - 28	≥26,8	≥35,8
6	Tỷ lệ nhà ở kiên cố (%)	≥ 95 - 90	80	90
7	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (<i>cơ sở</i>)	≥ 10 - 5	3	5
8	Công trình văn hóa cấp đô thị (<i>công trình</i>)	≥ 6 - 4	3	5
9	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (<i>công trình</i>)	≥ 5 - 3	1	3
10	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 30 - 15	0	15
11	Nhà tang lễ (<i>cơ sở</i>)	≥ 2 - 1	0	1
12	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥ 15 - 10	6	10
13	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc đô thị (<i>quy chế</i>)	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	có kế hoạch	Ban hành quy chế 75% đơn vị

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại NQ 26/2022/UBTVQH15	Định hướng	
		Mức tối đa - tối thiểu	Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
		75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế		hành chính thực hiện tốt quy chế
14	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	$\geq 50 - 40$	có chủ trương	40
15	Công trình xanh (công trình)	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	có cơ chế khuyến khích	Có 01 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận
		Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận		
16	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (khu)	≥ 4	Có cơ chế khuyến khích	2

2.3. Các chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Định hướng	
		Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Tỷ lệ đầu tư dự án mới thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh (%)	>2	>5
2	Tỷ lệ công trình nghiệm thu được cấp chứng chỉ công trình xanh (%)	Mời gọi đầu tư	> 01 công trình
3	Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng (%)	9	>10
4	Tỷ lệ đường giao thông dành riêng cho xe đạp (%)	Có dự án	>5
5	Quy hoạch chung đô thị được lồng ghép với các mục tiêu tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu		Cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung
6	Chiến lược, kế hoạch hành động, chính sách cụ thể được ban hành hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu	Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
7	Các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu	Xây dựng chương trình đối với từng xã phường, tổ chức triển khai tới từng khóm, ấp	

2.4. Thành lập đơn vị hành chính

Định hướng đến năm 2030, đầu tư theo tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị; phân đầu đầu tư theo các tiêu chí đô thị loại III khu vực dự kiến thành lập thị xã; lập đề án thành lập thị xã Năm Căn với vai trò là đô thị động lực của tỉnh, đô thị hạt nhân của tiểu vùng phía Nam.

2.5. Các nhóm ưu tiên

- Nhóm ưu tiên 1: Đầu tư xây dựng trong giai đoạn I (2023 - 2025), gồm các dự án có khả năng khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu và còn thiếu so với tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại IV, hướng với tiệm cận tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại III (phạm vi đô thị mở rộng) về cơ sở hạ tầng khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã, được ưu tiên theo thứ tự: các dự án đang thực hiện chuẩn bị đưa vào sử dụng, các dự án liên quan đến các tiêu chuẩn phát triển đô thị chuẩn bị tới ngưỡng thấp nhất (theo bảng điểm đánh giá); các dự án cấp thiết tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội; các dự án có khả năng huy động được ngay nguồn lực từ cộng đồng (cá nhân, các tổ chức xã hội, kinh tế, doanh nghiệp...) và các dự án sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước.

- Nhóm ưu tiên 2: Gồm các dự án hướng tới hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại III (phạm vi đô thị mở rộng) hoặc có yếu tố đầu tư từ bên ngoài (ngoài ngân sách nhà nước).

Chi tiết kế hoạch theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

3. Định hướng các khu vực phát triển đô thị và lộ trình triển khai thực hiện

3.1. Các khu vực phát triển đô thị

- Khu vực 1 (Khu đô thị trung tâm, diện tích 505,4 ha): Là khu đô thị trung tâm thị trấn Năm Căn hiện hữu, nằm trên trục lưu thông là Quốc lộ 1, sông Cái Nai, tiếp giáp với khu đô thị phía Bắc và khu đô thị phía Tây, bao gồm các khu dân cư xây dựng mới mật độ cao và các công trình công cộng; trung tâm thương mại xây mới, y tế mở rộng, trung tâm hành chính thị trấn Năm Căn hiện hữu nâng cấp, mở rộng đáp ứng nhu cầu trong thời gian ngắn hạn và trong thời gian dài hạn dự kiến trung tâm hành chính này được chuyển sang khu đô thị phía Bắc; dọc sông Cái Nai tổ chức các công viên và quảng trường tạo cảnh quan đẹp cho khu đô thị.

- Khu vực 2 (Khu đô thị phía Bắc, diện tích 401,27 ha): Hình thành dựa trên trục giao thông chính là Quốc lộ 1, đường trục chính Khu kinh tế Năm Căn và sông Cái Nai, tiếp giáp với Khu đô thị trung tâm. Phía Bắc trục chính Khu kinh tế Năm Căn là trung tâm hành chính đô thị xây mới đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị trong thời gian dài hạn, giáp với sông Cái Nai; phía Nam trục chính Khu kinh tế Năm Căn là trung tâm thể dục thể thao và trung tâm đào tạo cấp vùng. Dọc Quốc lộ 1 là các khu dân cư xây dựng mới mật độ cao và mật độ thấp. Phía Bắc của khu đô thị bố trí bến xe và bến tàu, dọc sông Cái Nai tổ chức các công viên và quảng trường tạo cảnh quan đẹp cho khu đô thị.

- Khu vực 3 (Khu đô thị phía Tây, diện tích 207,74 ha): Được tổ chức dựa trên trục Quốc lộ 1, sông Cửa Lớn, sông Cái Nai. Xây dựng các khu dân cư mới

dọc Quốc lộ 1, kết nối với khu đô thị phía Bắc qua khu vực Lâm viên, kết nối với Khu đô thị trung tâm qua sông Cái Nai. Khu vực sân bay quân sự được cải tạo nâng cấp, có thể phục vụ quốc phòng và dân sự, thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị.

- Khu vực 4 (Trung tâm xã Hàng Vĩnh và vùng phụ cận, diện tích 2.407,26 ha): Gồm các khu dân cư nông thôn tập trung được tổ chức dựa trên trục đường đê biển Đông, sông Cửa Lớn; cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu và xây dựng phát triển các khu dân cư mới về phía Bắc đường đê biển Đông.

3.2. Lộ trình triển khai thực hiện

- Giai đoạn 2024 - 2025:

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng 04 khu vực hiện hữu theo quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, Khu kinh tế Năm Căn đã được phê duyệt. Tăng cường liên kết các khu vực thông qua các trục giao thông, tập trung vào các khu chức năng đô thị để phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng và thế mạnh của từng khu vực.

+ Đô thị Năm Căn đạt tiêu chí đô thị loại IV với phạm vi đô thị mở rộng, đầu tư xây dựng hướng tới tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị cho giai đoạn tiếp theo.

+ Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản tạo điều kiện thuận lợi mời gọi đầu tư, cải tạo, chỉnh trang kết hợp đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch, xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm hành chính, khu chức năng đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Năm Căn trong giai đoạn này.

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Tập trung đầu tư xây dựng các khu vực phát triển với phạm vi mới, phù hợp với Quy hoạch chung đô thị được duyệt.

+ Phân đầu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho khu vực dự kiến thành lập thị xã. Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình. Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn theo tiêu chí đô thị loại III.

+ Thu hút đầu tư xây dựng đô thị mới, tổ chức quy hoạch phân khu và chi tiết đô thị mới, triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội tại các đô thị mới đã triển khai để thu hút lấp đầy cư dân.

+ Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội hướng đến đô thị loại III như: Chỉnh trang, mở rộng, hạ ngầm (cáp điện, cáp thông tin liên lạc...) tại các tuyến đường trục chính đô thị; đầu tư xây dựng công viên cây xanh; nâng cấp các cơ sở y tế, trường học các cấp, chợ...

+ Phát triển đồng bộ: Hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số

có hiệu quả trên cơ sở dùng chung, chia sẻ hạ tầng. Tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật, cột ăng ten; ngầm hóa cáp viễn thông; bảo đảm an toàn, mỹ quan, môi trường. Thông tin liên lạc thông suốt, chất lượng dịch vụ viễn thông phục vụ nhu cầu của cơ quan nhà nước và người dân trên địa bàn.

4. Danh mục các chương trình, dự án đầu tư và nguồn vốn

4.1. Danh mục chương trình, dự án

Theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

4.2. Sơ bộ nhu cầu vốn đầu tư

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện cho các giai đoạn đến năm 2030 khoảng: 12.809.425 triệu đồng. Trong đó:

- Tổng kinh phí giai đoạn 2024 - 2025 khoảng: 2.200.118 triệu đồng.
- Tổng kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 khoảng: 10.609.307 triệu đồng.

Cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến tổng mức đầu tư	Kế hoạch triển khai	
			Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	Tổng cộng	12.809.425	2.200.118	10.609.307
1	Các công trình, dự án ưu tiên đầu tư	12.767.795	2.179.488	10.588.307
2	Công trình, dự án còn lại theo quy hoạch, chương trình phát triển đô thị	41.630	20.630	21.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn

- Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng năm bám sát yêu cầu và khả năng thực tế của đô thị.
- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị, đẩy mạnh đầu tư xây dựng công trình hạ tầng đô thị theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.
- Chủ động phối hợp tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị thuộc địa phương quản lý.

2. Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị như sau:

- Thực hiện theo dõi, đánh giá, kiểm tra giám sát việc thực hiện các dự án thuộc chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung của chương trình phát triển đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

- Hướng dẫn địa phương trong công tác sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị.

3. Các sở, ban, ngành

Các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám sát việc thực hiện chương trình phát triển đô thị theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Hàng năm, tổng hợp danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị Năm Căn vào danh mục ưu tiên kêu gọi đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn thực hiện các ưu đãi đầu tư cho các dự án đầu tư phát triển đô thị; bố trí nguồn vốn hàng năm và trung hạn cho các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn tổng hợp kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển hàng năm và các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án đầu tư tại các đô thị trên địa bàn.

- Đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình.

- Phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, các cơ quan có liên quan và các chủ đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh huy động các nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, vốn hỗ trợ của các tổ chức tài chính, vốn vay; xem xét đề xuất triển khai đầu tư những dự án có điều kiện, bức xúc, cần thiết phải đầu tư theo các hình thức BT, BOT, PPP, xã hội hóa...

b) Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị; thông báo vốn ngân sách đúng tiến độ.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn rà soát cân đối chỉ tiêu sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh đúng quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... đúng theo quy định hiện hành.

d) Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn huyện Năm Căn thực hiện đầu tư phát triển hệ thống giao thông theo quy hoạch chung và Chương trình phát triển đô thị được duyệt theo thẩm quyền.

đ) Các sở, ban, ngành liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ huyện Năm Căn thực hiện Chương trình phát triển đô thị đô thị Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

PHỤ LỤC 1
Lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị,
phân loại đơn vị hành chính đô thị Năm Căn theo từng giai đoạn
(Kèm theo Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 24/12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến
I	Lộ trình, kế hoạch phân loại đô thị	
1	Giai đoạn 2024 - 2025	Đô thị Năm Căn đạt tiêu chí đô thị loại IV với phạm vi đô thị mở rộng, đầu tư xây dựng hướng tới tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị cho giai đoạn tiếp theo.
2	Giai đoạn 2026 - 2030	Phấn đấu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho khu vực dự kiến thành lập thị xã ¹ .
II	Lộ trình, kế hoạch thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	
1	Giai đoạn 2026 - 2030	Thành lập thị xã Năm Căn (ranh giới, phạm vi, quy mô đối với thị xã và khu vực dự kiến thành lập các phường sẽ được xác định cụ thể phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành).
III	Lộ trình, kế hoạch thực hiện từng năm trong giai đoạn đầu 05 năm của chương trình	
1	Năm 2024	1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. 2. Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình.
2	Năm 2025	1. Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình. Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn theo tiêu chí đô thị loại III. 2. Lập, trình phê duyệt lập điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Năm Căn (xác định phạm vi hình thành thị xã và khu vực thành lập các phường). 3. Lập, trình phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Năm Căn. 4. Lập, trình phê duyệt quy hoạch phân khu khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Năm Căn, quy hoạch chi tiết có liên quan.

¹ Phụ lục 1- Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến
3	Năm 2026	Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình. Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn theo tiêu chí đô thị loại III.
4	Năm 2027	Đề xuất các dự án, đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên các dự án khắc phục các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của đô thị loại III đã được xác định trong chương trình. Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn theo tiêu chí đô thị loại III.
5	Năm 2028	Lập, trình phê duyệt Đề án đề nghị công nhận đô thị Năm Căn là đô thị loại III đối với khu vực dự kiến thành lập thị xã, trực thuộc tỉnh Cà Mau.
6	Năm 2029	Lập, trình phê duyệt Báo cáo rà soát đô thị Năm Căn theo tiêu chí đô thị loại III và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển hạ tầng khu vực dự kiến thành lập các phường thuộc thị xã Năm Căn đối với khu vực dự kiến thành lập thị xã trực thuộc tỉnh Cà Mau.
7	Năm 2030	Lập, trình phê duyệt Đề án thành lập thị xã Năm Căn (ranh giới, phạm vi, quy mô đối với thị xã và khu vực dự kiến thành lập các phường sẽ được xác định cụ thể phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành)

PHỤ LỤC 2

Danh mục các chương trình, kế hoạch, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị Năm Căn
(Kèm theo Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2024 - 2025	2026 - 2030	
	Quy hoạch, chương trình về phát triển đô thị			41.630	20.630	21.000	
I	Dự án đề xuất			39.500	18.500	21.000	
1	Đề án công nhận đô thị Năm Căn đạt tiêu chí đô thị loại III	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		2.000		2.000	Ngân sách huyện
2	Báo cáo rà soát trình độ phát triển hạ tầng khu vực dự kiến thành lập phường	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		2.000		2.000	Ngân sách huyện
3	Báo cáo rà soát đô thị Năm Căn theo tiêu chí đô thị loại III	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		2.000		2.000	Ngân sách huyện
4	Đề án thành lập thị xã Năm Căn và thành lập các phường thuộc thị xã Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		5.000		5.000	Ngân sách huyện
5	Lập Quy chế quản lý kiến trúc	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		1.500	1.500		Ngân sách huyện
6	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		5.000		5.000	Ngân sách huyện
7	Quy hoạch phân khu khu vực dự kiến thành lập phường	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		10.000	5.000	5.000	Ngân sách huyện
8	Quy hoạch chi tiết khác có liên quan	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		10.000	5.000	5.000	Ngân sách huyện
9	Đề án công nhận tuyên phố văn minh đô thị	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh		2.000		2.000	Ngân sách huyện

	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2024 - 2025	2026 - 2030	
II	Dự án được xác định trong Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Năm Căn về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Năm Căn			2.130	2.130	0	
9	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái và Dịch vụ du lịch Khu kinh tế Năm Căn, tỷ lệ 1/2.000	Thị trấn Năm Căn	113,51	480	480		Ngân sách huyện
10	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Khóm 1, thị trấn Năm Căn	Khóm 1, thị trấn Năm Căn	11,25	500	500		Ngân sách huyện
11	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Khóm 4, thị trấn Năm Căn	Khóm 4, thị trấn Năm Căn	24,15	650	650		Ngân sách huyện
12	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Khóm 7, thị trấn Năm Căn	Khóm 7, thị trấn Năm Căn	11,35	500	500		Ngân sách huyện

PHỤ LỤC 3**Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị***(Kèm theo Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
	TỔNG			12.767.795	2.179.488	10.588.307	
A	Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			4.046.560	123.034	3.923.526	
I	Hạ tầng kỹ thuật			3.796.000	78.100	3.717.900	
1	Giao thông			3.508.000	68.100	3.439.900	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối trục chính Khu kinh tế đến Cảng Năm Căn (giai đoạn 1)			828.000	0	828.000	Nguồn vốn trung ương, ngân sách tỉnh
1.2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Khu phi thuế quan đến khu đô thị Năm Căn (giai đoạn 1)			474.000	0	474.000	Nguồn vốn trung ương, ngân sách tỉnh
1.3	Dự án đầu tư xây dựng đường nối dài trục chính đến Khu hành chính huyện Năm Căn, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			252.000	0	252.000	Nguồn vốn trung ương, ngân sách tỉnh
1.4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối giữa đô thị Hàm Rồng, Đất Mới với Khu trung tâm hành chính của đô thị Năm Căn (phía Tây kênh xáng Cái Nai)			1.500.000	0	1.500.000	Nguồn vốn trung ương, ngân sách tỉnh
1.5	Bến xe - tàu khách Năm Căn			4.000	600	3.400	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
1.6	Cụm Cảng hành khách Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, cảng cấp II, 100 ghề, công suất 2.000 lượt HK/năm		40.000	6.000	34.000	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.7	Nâng cấp đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi (dài 59km, cấp III đồng bằng)			200.000	30.000	170.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.8	Trạm dừng nghỉ Năm Căn			10.000	1.500	8.500	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.9	Đường tỉnh 990	ĐT 988 Thị trấn Đầm Dơi - Thị trấn Năm Căn, đường cấp IV - Đồng bằng		200.000	30.000	170.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
2	Xử lý chất thải rắn			50.000	10.000	40.000	
	Khu xử lý chất thải rắn tập trung	Xã Lâm Hải	40,00	50.000	10.000	40.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
3	Xử lý nước thải			238.000	0	238.000	
	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp			238.000	0	238.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
II	Hạ tầng xã hội			250.560	44.934	205.626	
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa Năm Căn, tăng số giường bệnh lên 250 giường năm 2025, lên 300 giường năm 2030 và 350 giường năm 2030			229.560	34.434	195.126	Ngân sách tỉnh
2	Cơ sở hỏa táng gắn với Nghĩa trang huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn	0,02	10.000	5.000	5.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
3	Xây dựng nhà tang lễ vùng tỉnh tại huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn	0,02	10.000	5.000	5.000	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
4	Mở rộng bệnh viện Đa Khoa Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, quy mô 300 giường		1.000	500	500	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
B	Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 25/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Năm Căn			7.494.288	1.529.967	5.964.321	
I	Hạ tầng kỹ thuật			4.679.500	1.234.572	3.444.928	
1	Giao thông			3.884.393	1.138.273	2.746.120	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường trục chính Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Năm Căn (giai đoạn 1) (đường D13, N9, D14) (18,26ha) thuộc 800ha Khu phi thuế quan	Xã Hàng Vịnh	18,26	386.000	386.000		Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.2	Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn thành phố Cà Mau đến thị trấn Năm Căn, trong đó đoạn thuộc huyện Năm Căn 3,11 ha	Thị trấn Năm Căn, xã Hàm Rồng	3,11	65.743	65.743		Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.3	Tuyến đường bộ ven biển	Xã Lâm Hải, thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh, xã Tam Giang	174,60	1.845.444	369.089	1.476.355	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vịnh (ngã tư vòng xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay)	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vịnh	13,79	130.730	26.146	104.584	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Cái Nai đến khu Trung tâm Hành chính huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn	6,00	126.835	25.367	101.468	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối trục chính Khu kinh tế đến Cảng Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, Xã Hàng Vịnh	27,02	571.179	114.236	456.943	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường đầu nối từ cầu Cái Nai đến khu Tái định cư đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1	Thị trấn Năm Căn	10,72	226.611	45.322	181.289	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
1.8	Tuyến đường đầu nối từ Quốc lộ 1A đến giáp sông Cái Nai (cấp trường Mẫu giáo Sao Mai cũ)	Thị trấn Năm Căn	0,04	846	169	676	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.9	Đường Vành đai I (Quy hoạch phân khu đô thị Năm Căn (phía Tây Kinh Tắc)	Thị trấn Năm Căn	4,49	94.915	18.983	75.932	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.10	Đường Vành đai II (Quy hoạch phân khu đô thị Năm Căn (phía Tây Kênh Tắc)	Thị trấn Năm Căn	6,02	127.257	25.451	101.806	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.11	Cầu Vàm Xáng Cái Ngay	Xã Hiệp Tùng, xã Hàng Vịnh	1,35	182.000	36.400	145.600	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
1.12	Đường Vành đai ngoài doanh trại Lữ đoàn 175	Xã Hàng Vịnh	6,00	126.835	25.367	101.468	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
2	Thủy lợi			212.400	42.480	169.920	
	Bờ kè bờ Tây sông Kênh Tắc Năm Căn	Thị trấn Năm Căn	1,86	212.400	42.480	169.920	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
3	Cấp điện			4.347	4.347	0	
3.1	Đường dây 110 kV Phú Tân - Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, xã Đất Mới	0,22	1.945	1.945		Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
3.2	Trạm biến áp 110kv-Ngọc Hiền	Thị trấn Năm Căn	1,12	2.402	2.402		Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
4	Cấp nước			182.960	36.592	146.368	
	Trạm cấp nước Khu tái định cư Hồ Chí Minh	Thị trấn Năm Căn	0,06	182.960	36.592	146.368	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
5	Xử lý chất thải rắn			64.400	12.880	51.520	
	Trạm trung chuyển chất thải rắn	Xã Hàng Vịnh	0,12	64.400	12.880	51.520	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
6	Thoát nước, xử lý nước thải			331.000	0	331.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
	Dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về thủy sản (giai đoạn 1)	Xã Hàng Vĩnh	3	331.000	0	331.000	Nguồn vốn trung ương, ngân sách tỉnh
	Nâng cấp vỉa hè và công thoát nước trên các tuyến đường đường	Thị trấn Năm Căn			50	100	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
II	Hạ tầng xã hội			2.814.789	295.395	2.519.393	
1	Nhà ở			2.702.910	270.291	2.432.619	
1.1	Đầu tư kinh doanh xây dựng hạ tầng Khu kinh tế Năm Căn	Thị trấn Năm Căn, xã Hàng Vĩnh, xã Hàm Rồng, ấp Ông Do của xã Đất Mới	10.801,95	1.000.000	100.000	900.000	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.2	Dự án đầu tư khu dịch vụ dân cư Năm Căn	Khóm Hàng Vĩnh, thị trấn Năm Căn	57,59	1.036.620	103.662	932.958	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
1.3	Khu đô thị mới Năm Căn, huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn	32,74	666.290	66.629	599.661	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
2	Y tế			250	250	0	
	Trung tâm y tế huyện Năm Căn (xây mới)	Thị trấn Năm Căn	0,12	500	250		Ngân sách huyện
4	Văn hóa - thể thao			111.629	24.854	86.774	
4.1	Khu liên hợp thể dục, thể thao cấp tỉnh	Thị trấn Năm Căn	10	103.200	20.640	82.560	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
4.2	Buru điện Hàng Vĩnh mở rộng	Xã Hàng Vĩnh	0,06	8.429	4.214	4.214	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
C	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Năm Căn về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Năm Căn			26.947	26.487	460	
I	Hạ tầng kỹ thuật			780	780	0	
1	Thoát nước			780	780	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn		Nguồn vốn dự kiến
					2023 - 2025	2026 - 2030	
1.1	Nâng cấp vỉa hè và cống thoát nước đường Võ Thị Sáu, khóm 7, thị trấn Năm Căn	Thị trấn Năm Căn		780	780		Ngân sách huyện
II	Hạ tầng xã hội			26.167	25.707	460	
1	Giáo dục - Đào tạo			1.237	1.237	0	
1.1	Nâng cấp, cải tạo hàng rào, sân, hệ thống mương thoát nước Trung tâm bồi dưỡng Chính trị	Thị trấn Năm Căn		1.237	1.237		Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
2	Văn hóa - thể thao			24.930	24.470	460	
2.1	Sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn		19.460	19.000	460	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
2.2	Trung tâm văn hóa, thể dục, thể thao huyện Năm Căn	Thị trấn Năm Căn		5.470	5.470		Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)
D	Công văn số 771/UBND-KT ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh			1.200.000	500.000	700.000	
1	Khu đô thị dịch vụ - du lịch sinh thái Năm Căn	Thị trấn Năm Căn		1.200.000	500.000	700.000	Nguồn vốn khác (ODA, WB, ADB...)

Ghi chú: Đề xuất dự án đầu tư và nguồn vốn, kinh phí thực hiện nêu trên là dự kiến. Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được cụ thể tính toán, lựa chọn và xác định trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, đầu tư xây dựng, giao đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai... để triển khai thực hiện.